

Qua tục thờ ông Đùng bà Đà

CỦA CƯ DÂN HẠ LƯU SÔNG HỒNG

THS. VŨ ANH TÚ*



Lễ rước hình tượng ông Đùng bà Đà - Ảnh: V.A.T

1. Hình tượng ông Đùng bà Đà và tục thờ cúng.

Tín ngưỡng phồn thực đã thể hiện ý thức mong muốn ngàn đời của cha ông ta về sự sinh sôi nảy nở của giống nòi cũng như của cây trồng, vật nuôi. Hình thức tín ngưỡng này thuộc cơ tầng văn hoá nguyên thủy, rất phổ biến ở các nước có nền văn minh nông nghiệp, trong đó có Việt Nam. Các biểu hiện của hình thức tín ngưỡng này khá đa dạng, từ việc thờ sinh thực khí (cơ quan sinh dục), và các vật biểu trưng

cho đến thờ hành vi giao phối...

Một trong những biểu hiện khá tiêu biểu của tín ngưỡng thờ phồn thực ở đồng bằng Bắc Bộ là hình tượng ông Đùng - bà Đà với vóc dáng khổng lồ, như dân gian đã miêu tả:

"Con sắt đập ngã ông Đùng

Đắp mười chiếc chiếu không cùng bàn tay"

Ông Đùng bà Đà trong dân gian tuy có nhiều tên gọi khác như ông Cổ bà Cộc, hay ông Đục mù Cái cũng đều là chỉ cặp vợ chồng có

hình dáng khổng lồ khác người, những người được dân gian coi là “những người lao động đầu tiên đã đào sông xây núi và làm ra đất nước”⁽¹⁾.

Trước hết chúng ta hãy lý giải về những người khổng lồ. Cho đến nay trong dân gian vẫn tồn tại hai quan niệm song hành về người khổng lồ của nhân loại. 1/ Quan niệm thứ nhất cho rằng vũ trụ gồm 3 tầng 4 thế giới và trong mỗi tầng vũ trụ đó lại có những cá thể có vóc dáng rất khác nhau. Ở tầng thứ nhất - tầng trên có sự hiện hữu của các thần linh với thân hình khổng lồ, tầng thứ hai là nhân gian với những con người có vóc dáng bình thường như chúng ta hiện nay; và tầng thứ ba là âm ti với những con người có hình dáng hết sức nhỏ bé. 2/ Quan niệm thứ hai lại chia thế giới nhân sinh này theo thời gian thành 2 dạng là người khổng lồ với thân hình hết sức to lớn và người có vóc dáng bình thường như ngày nay. Theo quan niệm này thì người khổng lồ là sản phẩm thuộc thế hệ thứ nhất của tạo hoá, to xác nhưng ngờ nghệch lại sống dựa vào trời đất. Đến một lúc, trời không thể chịu nổi sự dựa dẫm của họ, nên đã gây nên một trận đại hồng thủy xoá sạch họ đi. Đến nay những chứng tích còn lại của những người khổng lồ trước đây là các chuôm ao ở vùng đồng bằng hay các vết chân, vết nứt lớn... trên đá. Con đại hồng thủy qua đi cuộc sống lại dần được hồi sinh. Sau đó tạo hoá đã sinh ra một loại người khác, có vóc dáng nhỏ nhưng lại có trí khôn, tự sống được bằng hai bàn tay lao động của chính mình. Nhờ đó họ đã tồn tại.

Như vậy, dù theo quan niệm nào thì người khổng lồ cũng đã từng có mặt trong tâm linh dân gian thời trước. Có thể thấy rằng hình tượng ông Đùng bà Đà cũng nằm trong hệ thống người khổng lồ hình thành trong tâm tưởng người xưa. Và, cho đến ngày nay người ta vẫn luôn thờ cúng họ, dưới hình thức này hay hình thức khác, để tỏ lòng biết ơn cũng như khẳng định sự tồn tại của họ trong dòng văn hoá tâm linh truyền thống.

Với người Việt, ở đồng bằng Bắc Bộ, tục thờ cúng ông Đùng bà Đà không rõ đã được thờ từ bao giờ và cho đến nay vẫn được duy trì (mặc dù có thể đã có những biến thái) để gắn liền với tín ngưỡng phồn thực và trở thành một nghi thức trong lễ hội của nhiều làng quê.

Trong dân gian, chúng ta vẫn biết đến ông Đùng bà Đà thông qua truyền thuyết cổ xưa.

Tục truyền rằng: Đã lâu lắm rồi, không còn ai nhớ chính xác là từ bao giờ, ở một ngôi làng nọ có hai chị em sinh đôi sinh ra đã có vóc dáng khác người. Không chịu được những lời chê bai của làng xóm nên bố mẹ đã bỏ hai chị em ra ngoài bìa rừng. Càng lớn hai chị em càng to lớn dị thường nên bị dân làng xa cách và không thể kết hôn với người trong làng được. Hai chị em quyết định bỏ làng ra đi và hẹn nhau trên đường nếu gặp người nào hợp duyên thì kết hôn với người đó. Họ chia tay mỗi người theo một hướng. Sau bao ngày tìm kiếm vất vả mà chẳng gặp một ai, cuối cùng số phận lại run rủi để họ gặp lại nhau. Cho đó là định mệnh, hai người sống với nhau như vợ chồng. Sau đêm tân hôn, họ đều cảm thấy tội lỗi. Vì thế, nhiều lần người vợ đã bỏ trốn, người chồng phải đi tìm về. Và cứ thế họ sống với nhau trong mặc cảm tội lỗi và sự chê bai của xóm làng. Tin đồn hai chị em ruột lấy nhau đến tai nhà vua. Biết chuyện, nhà Vua đã xử họ tội loạn luân và đem ra chém để răn đe mọi người⁽²⁾. Chết rồi nhưng hai người vẫn rất linh thiêng nên được nhân dân trong làng lập đền thờ và hàng năm mở hội kỷ niệm. Sau này dân gian gọi họ là ông Đùng bà Đà (chỉ sự to lớn dị thường của họ), coi họ là Thành hoàng làng và thờ phụng họ.

Sau này lễ rước ông Đùng bà Đà được tổ chức hàng năm với những nghi thức và tục hèm rất độc đáo tạo dưới sự bí ẩn thiêng liêng, làm nên sức mạnh đặc biệt của nghi lễ này.

2. Yếu tố phồn thực của tục thờ ông Đùng bà Đà.

Trong tín ngưỡng thờ ông Đùng bà Đà, phồn thực là yếu tố chủ đạo làm nên bản sắc của tín ngưỡng. Việc thờ ông Đùng bà Đà cũng chính là thờ hành vi giao phối của hai vị thần, một mô típ có tính chất chung của nhân loại. Trên thế giới đã có rất nhiều cổ tích kể về chuyện anh em, chị em ruột phải kết hôn với nhau, dựa vào một cốt truyện chung: Sau cơn đại hồng thủy, trên trái đất chỉ còn lại hai anh em (hoặc chị em) 1 đực 1 cái. Không thể khác được, số phận đã buộc hai người phải lấy nhau và họ đã trở thành thủy tổ của loài người, trở thành đôi uyên ương khởi nguyên của nhân loại.

Tuy nhiên quan niệm đạo đức Nho giáo chính thống thì không thừa nhận truyền thuyết về ông Đùng bà Đà cũng như sự hiện hữu của tín ngưỡng này và cho rằng đây là những “tà

thần", "dâm thần" nên đã ngăn cấm người dân thờ phụng. Người ta không công khai nói đến ông Đùng bà Đà với sự "loạn luân" nữa, mà chuyển hoá thành Thiên Tiên và Địa Tiên. Tuy nhiên, tại những nơi có tục thờ ông Đùng, bà Đà, người ta lại xây dựng nên một truyền thuyết mới với những biến thái phù hợp với đời sống tâm linh và giá trị tinh thần của người dân địa phương. Điều này được thấy rõ trong lễ hội về ông Đùng bà Đà ở An Xá (Hưng Yên) và Quang Lang (Thái Bình), hai địa danh có tục thờ ông Đùng bà Đà khá tiêu biểu và hiện vẫn còn được lưu giữ mà chúng tôi muốn lấy làm minh chứng.

2.1. Tùy từng địa phương mà lễ hội về ông Đùng bà Đà có thời gian và trò diễn khác nhau.

Tại làng An Xá (xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên), từ rất lâu đã truyền tụng nhau một truyền thuyết về ông Đùng bà Đà với yếu tố phồn thực được thể hiện rõ nét thông qua các trò diễn trong lễ hội (diễn ra từ ngày 6 đến ngày 12 tháng tư âm lịch hàng năm), nhái lại các hành động mang tính giao phối rõ rệt.

Trước hết, lớp văn hoá nằm ở tầng sâu nhất của tín ngưỡng này là quan niệm "lưỡng phân lưỡng hợp". Trước đây, với trình độ và phương tiện sản xuất còn hạn chế, mùa màng thường bị thất bát, những cư dân trồng trọt đều đặt mọi ước vọng vào phồn thực, vào việc hoà hợp âm dương mà biểu hiện của nó là Đực - Cái. Sự liên tưởng giữa Trời - Đất, Dương - Âm, Đực - Cái luôn tồn tại trong tâm thức người nông dân Việt. Do vậy, cây trồng, vật nuôi và thậm chí con người muốn ra hoa kết hạt, sinh sôi nảy nở phải có sự giao hoà âm dương. Người xưa tin rằng hành động giao phối của con người sẽ gây cảm hứng sang muôn vật⁽³⁾. Chính vì vậy trước mùa gieo cấy, bao giờ người ta cũng thờ cúng và tái hiện việc giao hoà Âm - Dương, Đực - Cái dưới dạng các trò diễn để mong rằng cây cối sẽ bắt chước theo và sẽ sinh sôi nảy nở nhanh chóng. Việc nhái lại các hành động tính giao giữa ông Đùng bà Đà trong các lễ hội cũng không ngoài mục đích trên.

Trong lễ hội làng An Xá, yếu tố phồn thực được thể hiện trong tín ngưỡng này bắt nguồn từ truyền thuyết dân gian: Ông Đùng bà Đà là hai chị em nhưng do hoàn cảnh xô đẩy, hai người đã lấy nhau và sau đó bị nhà vua xử chết vì tội loạn luân, sau khi chết, nhân dân lập đền thờ và hàng năm mở hội diễn lại tích ông Đùng

bà Đà với những hành động được cho là thiêng liêng. Thực chất việc diễn lại những hành động hoà hợp giữa ông Đùng bà Đà trong đêm hội là nhằm tái hiện đêm tân hôn của hai người, sau đó, ta cũng có thể dễ dàng nhận thấy việc diễn lại cuộc hành hình ông Đùng bà Đà bằng việc cắt từng bộ phận của tượng, chính là nghi lễ hiến sinh đôi trai gái đang trong trạng thái giao hoan cùng cực để dâng lên vị thần nông nghiệp.

Yếu tố phồn thực của tục thờ ông Đùng bà Đà còn được thể hiện trong cả tục rước và trò diễn. Đó là hành động hai hình nhân ông Đùng bà Đà (có kích thước khá lớn) công khai ôm chầm lấy nhau tỏ rõ sự hoan lạc của quan hệ nam nữ trong đám rước mà người dân vẫn gọi là *múa mèn*, cùng với việc trai gái làng "tranh thủ" lúc này để được đụng chạm vào nhau. Đó là hành động cắt đầu tượng Ông nhét vào thân dưới của tượng Bà, mà dân gian vẫn gọi là "đầu Ông đút đít Bà" khi diễn lại cảnh hành hình hai người. Đó còn là việc nam nữ trong làng được tự do quan hệ yêu đương, bất kể đã có gia đình, trong đêm làm lễ triệt đăng.

2.2. Tại làng Quang Lang (xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) thì yếu tố phồn thực của tục thờ này cũng được thể hiện rõ ràng khi rước Đùng và múa Đùng trong lễ hội Đùng của làng được diễn ra vào ngày 12 đến 14 tháng 4 âm lịch hàng năm.

Trong ngày hội làng, khi rước Đùng, dân làng chạy theo sau Đùng, đa số là những nam nữ thanh thiếu niên và trẻ con, vừa xô đẩy hò reo vừa nô đùa chọc ghẹo, sờ soạng nhau một cách thoải mái tạo nên một không khí hội làng vui nhộn.

Trong lúc múa Đùng, các hình Đùng có kích thước khá lớn được làm cẩn thận bằng tre lác lư, chao đảo theo nhịp trống. Cứ một lúc lác lư như vậy thì từng đôi một Đùng nam và Đùng nữ lại "chập chập cheng cheng" mặt áp mặt, thân áp thân thể hiện hành động tính giao. Dân làng thấy vậy hò reo tán thưởng trong khi một loạt các Đùng nhỏ do các gia đình, ngõ xóm cũng "bắt chước" chập vào nhau. Đặc biệt, nhân cơ hội đó, trai gái trong làng lại được dịp đụng chạm vào nhau để thể hiện cách tỏ tình thân mật⁽⁴⁾.

Qua lễ hội làng An Xá (Hưng Yên) và lễ hội làng Quang Lang (Thái Bình), hai địa phương

hiện còn lưu giữ tục thờ ông Đùng bà Đà khá tiêu biểu và đậm nét, chúng ta có thể thấy lộ rõ một nghi lễ phồn thực trong tín ngưỡng nông nghiệp của cư dân Việt. Cũng qua tục thờ này ở hai địa phương chúng ta bước đầu có cái nhìn tổng thể về tục thờ ông Đùng bà Đà ở đồng bằng Bắc Bộ cùng những đặc trưng tiêu biểu của tục thờ - yếu tố phồn thực - Chính yếu tố phồn thực còn rõ nét ấy đã góp phần làm nên tính đặc sắc của tín ngưỡng thờ ông Đùng bà Đà, hay nói cách khác, phồn thực chính là yếu tố chủ đạo hình thành nên tín ngưỡng thờ này và cũng chính nó đã tạo nên sức sống mãnh liệt cho tục thờ.

3. Bước đầu xem xét tục thờ này trong hệ thống tín ngưỡng phồn thực nói chung của cư dân Việt đồng bằng Bắc Bộ.

Gắn với từng hoạt động sản xuất của con người đều có các hình thức tín ngưỡng tương ứng, trong đó quan trọng nhất có tín ngưỡng nông nghiệp. Với người Việt, những lễ nghi nông nghiệp được diễn ra ở hầu khắp các công đoạn của việc trồng trọt và hoa màu, nhất là với canh tác nương rẫy. Họ đặt mọi ước vọng vào sự sinh sản, sinh sôi dồi dào của cây trồng và liên tưởng nó với một lực lượng siêu nhiên nào đó, coi đó như là nguồn gốc của mọi sự sinh sản của giống loài. Điều này bắt nguồn từ quan niệm của người xưa cho rằng mọi thứ có được là do sự giao hoà đây "bí ẩn" giữa âm - dương, nguồn gốc sản sinh ra con người và vạn vật của vũ trụ.

Trong điều kiện xã hội cổ truyền còn lạc hậu, mùa màng thất thường, nạn thiếu ăn xảy ra thường xuyên. Về hiện tượng này, Tôkarpê đã viết: "Nguồn gốc này chính là sự bất lực của con người trồng trọt. Cây trồng không phải bao giờ cũng được mùa, mà mùa màng phụ thuộc vào những điều kiện mà con người cần đến sự phù trợ, giúp đỡ việc trồng cây,..."⁽⁵⁾. Chính vì vậy, nhu cầu của con người về việc cầu mong sự sinh sôi nảy nở của cây trồng là rất lớn. Điều này dẫn tới việc hình thành nên các nghi thức, tín ngưỡng tôn thờ lực lượng siêu nhiên quyết định sự sinh sôi nảy nở, từ đó xuất hiện các lễ nghi ma thuật gắn với nông nghiệp. Tín ngưỡng phồn thực (Culte de fécondité) ra đời cùng các nghi lễ và trò diễn đặc trưng. Tín ngưỡng này đã có mặt ở Việt Nam cách ngày nay 3000 năm⁽⁶⁾, thông qua sự liên tưởng/ tương liên giữa

chính sự sinh sản (bao gồm cả cơ quan sinh sản) của con người và sự sinh trưởng của cây cối và động vật mà nhờ đó, con người và muôn vật được bảo tồn và phát triển nòi giống. Tín ngưỡng phồn thực được biết đến gắn với việc thờ cơ quan sinh dục của con người (sinh thực khí) hoặc thờ một cặp trai gái có tên gọi hản hoi như ông Đùng bà Đà, ông Khiu bà Khiu và thờ bản thân hành vi giao phối nhằm cầu mong cho mùa màng bội thu, vạn vật sinh sôi. Ước vọng mãnh liệt ấy được họ thể hiện bằng những hình vẽ mô tả lại cảnh giao phối giữa một đực một cái ở mọi nơi, trong hang đá, trên các công cụ sản xuất, trên thạp đồng...

Tuy nhiên, bên cạnh việc chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng nguyên thủy dựa trên nguyên lý kết hợp hài hoà âm dương là nguồn cội của sinh sản nảy nở, thì dân tộc Việt lại luôn chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của đạo đức Khổng Mạnh về sự tách biệt nam nữ và coi bản năng tình dục tự do là điều xấu xa cần giấu giếm hay xoá bỏ. Chính những điều này đã tạo nên nghịch lý giữa cái vô thức khi con người thể hiện quan niệm nguyên sơ và hỗn nhiên về bản năng của mình với cái hữu thức của văn hoá người Việt khi bị áp đặt một số quan niệm về đạo đức. Và, với sự uyển chuyển vốn có của người Việt, người ta tìm cách giải quyết nghịch lý ấy một cách hài hoà nhất, hợp lý nhất, ẩn chứa nó vào các trường hợp đặc biệt và các hình thức đặc thù, đó là tín ngưỡng, nghi lễ và lễ hội. Trong tín ngưỡng, nghi lễ và lễ hội chúng ta lại tìm thấy các dạng thức khác nhau, các hình thức biểu hiện khác nhau với những đối tượng thờ khác nhau nhưng cùng chung một mục đích: Cầu phồn thực.

3.1. Trước hết, nói về việc thờ sinh thực khí của người Việt. Đối tượng thờ, cùng là cơ quan sinh dục (âm vật, dương vật) với một nguyên tắc chung: "Vật tượng cho sinh thực khí nam luôn có hình khối trụ, tròn hoặc dài và mang tính động. Những vật tượng cho sinh thực khí nữ thì hoặc có dáng bẹt (như mo nang hoặc đan bằng tre, nứa) hình vuông hay tròn hoặc ở dạng lỗ {...}, rãnh, hốc, khe, kẽ nứt... và mang tính tĩnh"⁽⁷⁾. Trong rất nhiều lễ hội của cư dân Việt trên địa bàn Bắc Bộ, ta có thể thấy sự hiện diện của "các kiểu" sinh thực khí này. Đó là trái phết, trái cầu (biểu trưng cho sinh thực khí nam) được đánh vào các lỗ, "lỗ" có hình vuông

hoặc tròn (biểu trưng cho sinh thực khí nữ) được đào ở giữa hoặc ở 2 góc phía Đông và Tây của sân đánh phết như trong lễ hội Hiến Quan, lễ hội thôn Đông Viên, lễ hội Sơn Vi, Trương Xá (Phú Thọ). Đó là chiếc kén tằm bằng gỗ để hình sinh thực khí nam và sinh thực khí nữ được xô vào nhau trong đám rước sau mỗi câu hát "Cái sự làm sao, cái sự làm vậy/ Cái sự thế này, cái sự làm sao" như trong hội làng Đồng Kỵ (Bắc Ninh) được tổ chức từ ngày 30 tháng chạp đến 16 tháng giêng. Đó còn là chiếc lao và tấm bia bằng gỗ trong trò thi ném lao ở hội Hiến Quan, là chiếc dùi gỗ và cái mu rùa trong trò Trám (Phú Thọ) hay còn là chày và cối ở hội làng Nối (Hưng Yên) được mang ra giã theo nhịp câu xướng cổ truyền: "cái này là cái gì/ làm thế nào, làm thế này" và trai gái cũng nhân lúc đó đùa nghịch nhau... Đặc biệt là trong lễ hội ở làng Khúc Lạc và Dị Nậu thuộc tỉnh Phú Thọ, người ta không chỉ thấy thờ hai sinh thực khí, một của nam, một của nữ mà trên bàn thờ, ngoài các lễ vật thường thấy khác còn có 36 sinh thực khí (trong đó có 18 dương vật và 18 âm vật) gọi là cái nõ nường. Hay được thể hiện bằng bánh dầy (biểu tượng âm vật), và bánh cuốn hay bánh tét (biểu tượng dương vật) dưới dạng các vật dâng cúng, như trong hội làng Sơn Đông (Hà Tây), hay dưới dạng thi làm bánh dầy ở nhiều hội làng đồng bằng Bắc Bộ khác.

Việc thờ sinh thực khí của người Việt còn được biến cải và đưa vào trong các trò chơi dân gian trong ngày hội như trò "tùng dỉ" trong hội đền Hùng. Thanh niên nam nữ múa từng đôi một, mỗi người cầm trong tay những vật biểu trưng cho sinh thực khí nam và nữ, cứ mỗi khi nghe trống đánh tùng họ lại giơ hai vật đó lên rồi chọc vào nhau (dỉ), cứ như vậy nhiều lần. Hay trong trò cầu tế nõ nường ở Đức Bác (Vĩnh Phúc) diễn ra vào tối 1 tháng 2. Trong lễ cầu đình được cử hành tại đình Mẫu, trai cầm chày bằng gỗ vông, gái cầm chiếc mo cau. Khi chủ lễ trình thánh xong, anh con trai hỏi "cái sự làm sao?", cô gái đáp "cái sự làm vậy" và hai người vừa nói vừa đưa hai vật chọi vào nhau 3 lần. Nếu trúng cả thì năm đó làng sẽ sinh nhiều con trai và làm ăn thịnh vượng.

3.2. Bên cạnh việc thờ sinh thực khí, tín ngưỡng thờ phồn thực còn được biểu hiện dưới dạng thờ các hành vi giao phối, đôi khi cụ thể

hơn là thờ cặp trai gái đã được hoá thân vào vai trò Thành hoàng làng. Đó là việc thờ ông Khiu bà Khiu hay thờ ông Đùng bà Đà. Thường ngày, những vị thần này được biết đến như những vị thành hoàng của làng và lại hoá thân vào các vị thần phồn thực khi có lễ hội. Ví dụ, như trong lễ hội làng An Xá, Hưng Yên, hai vị Thành hoàng này đã được dân gian cho phép thể hiện những hành động mang tính giao phối rất rõ rệt như ôm chầm lấy nhau một cách hoan lạc trong lễ rước, hay trong đêm hội khi người ta tháo phần thân trên của tượng Ông lắp vào với phần thân dưới của tượng Bà. Khi để ông Đùng bà Đà thể hiện hành động giao phối ấy, người dân tin rằng nhờ vậy mà mùa màng, cây cối và thậm chí cả con người ở đây sẽ sinh sôi nảy nở, ra hoa kết trái. Với người dân nơi đây, việc thờ ông Đùng bà Đà là thờ hai vị thành hoàng làng nhưng cũng chính là thờ phụng vị thần nông nghiệp của cả làng, vị thần tạo ra sự sinh sôi nảy nở của cây trồng. Như vậy, khác với tục thờ sinh thực khí, tục thờ ông Đùng bà Đà với các nghi thức và trò diễn nhái lại hành động tính giao nam nữ đã bộc lộ công khai và nguyên hình cổ tục phồn thực dưới dạng nguyên thủy nhất, thể hiện ước vọng sinh sôi nảy nở, an khang vật thịnh của những người nông dân trong xã hội cổ truyền.

Tôn thờ hành vi giao phối và thực hiện hành vi đó trong các lễ hội cúng thần linh, người Việt cho rằng hành vi đó được xem như một hành động có tính ma thuật, có tác dụng làm mẫu và kích động cây trồng, nhắc nhở trời đất... Chính vì vậy, trong tục thờ này, người ta không thể bỏ qua được những động tác giao hoan thể hiện sự hoà hợp âm – dương. Thực tế, sự giao cấu giữa ông Đùng bà Đà trong ngày hội, chính là bức thông điệp để cư dân nông nghiệp được hoà vào thiên nhiên vũ trụ, họ muốn được đem chính mình ra làm hình ảnh gợi ý để nói rằng: Hỡi các vị thần linh, hỡi muôn loài cây cỏ, hãy theo cách gợi ý của chúng tôi, hãy làm theo cách của chúng tôi đây, cho thóc lúa đầy đồng, vụ mùa bội thu, để cuộc sống này thêm phần tươi đẹp.

3.3. Tuy nhiên, cho đến nay việc thờ các hành vi giao phối không còn phổ biến mà hình thức thờ dưới dạng các nghi thức, những trò diễn, trò đùa vui mang tính phồn thực ở làng xã, nhất là trong các dịp hội làng, thì lại phổ biến và

phong phú hơn nhiều. Các nghi lễ này được diễn ra liên tục trong năm ở các địa phương khác nhau với các trò diễn và lễ nghi trong các lễ hội, nhất là lễ hội mùa xuân, mùa sinh sôi nảy nở của muôn loài. Trong các nghi lễ này chúng ta có thể gặp tục tắt đèn trong đêm hội, một cổ tục được tìm thấy ở nhiều nơi trên đồng bằng Bắc Bộ như: Đêm rã hội ở làng La (Hà Tây), trai gái tha hồ đùa nghịch nhau, làm những điều mà ngày thường bị coi là "xằng bậy". Tục tắt đèn của làng Niệm Thượng (Bắc Ninh) lại được thực hiện trong khi hai giáp thi thổi xôi tế thần trong ngày hội, lúc đèn tắt trai gái trong làng cũng "tranh thủ" tự do đùa nghịch nhau. Phong tục này cũng còn thấy trong lễ hội làng Đan Nhiễm (Hưng Yên), hay thoáng thấy trong lễ mở cửa rừng ở Phú Lộc (Vĩnh Phú).

Ngoài ra có một phong tục nữa cũng cần nhắc tới trong các lễ hội có nghi lễ phồn thực, đó là tục "chen" ở lễ hội làng Nga Hoàng (Bắc Ninh). Trong hội, nam nữ không kể già trẻ, trai gái, người trong làng và thậm chí cả người ngoài làng đều tìm cách chen lấn nhau. Đặc biệt, trong đêm tế rã hội, tục chen đã đi đến cao trào khi giữa cuộc tế lễ đèn nến tắt hết để trai gái thoải mái chen lấn, đùa nghịch nhau...

Tương tự như tục chen, tục trai gái bắt trạch trong chum cũng là một trò chơi mang đầy tính phồn thực mà chúng ta có thể tìm thấy trong lễ hội làng Văn Trưng (Vĩnh Phúc). Trước đình làng bầy một dãy chum đựng nước pha loãng bùn trong đó có thả trạch. Từng cặp nam nữ muốn tham gia bắt trạch phải tuân thủ luật là một tay của trai và gái vừa ôm ghì lấy nhau để đùa nghịch còn tay kia cùng nhúng vào chum cố bắt cho được con trạch đang thả trong đó. Trò "linh tinh tình phộc" trong hội làng Tứ Xã (Vĩnh Phúc) lại còn giữ nét nguyên thủy hơn nhiều. Trong ngày hội, vào những khoảng khắc nhất định trai gái có thể thoải mái... "chung chạ" mà không sợ bị phê phán hay chê cười⁽⁹⁾.

3.4. Tế nhị hơn các trò trên và được thể hiện dưới hình thức sân khấu hoá, có tính tượng trưng là tục hát đối đáp giao duyên trong lễ hội mùa xuân. Đây là một trò diễn ở trạng thái thuần khiết nhất song vẫn là một biểu hiện khá phổ biến và gợi tả của tín ngưỡng phồn thực của người Việt, (hát giao duyên giữa trai gái có nhiều thể loại như hát quan họ, hát gheo, hát xoan, hát đúm, hát dặm, hát trống quân...). Khi hát như vậy nam nữ có thể mời chào nhau, trao đổi tâm tình hay bày tỏ tình cảm với nhau.

Như vậy, có thể thấy tín ngưỡng thờ phồn thực có một vai trò rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ xưa kia và phần nào còn cả trong đời sống ngày nay. Chính tín ngưỡng này đã góp phần làm nên sự đa dạng và phong phú trong đời sống tinh thần của người Việt nói riêng, góp phần làm nên bản sắc độc đáo của dân tộc Việt Nam nói chung.

V.A.T

Chú thích:

- 1) Cao Huy Đình, *Tìm hiểu tiến trình Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb KHXH (1994), Hà Nội.
- 2) Theo Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Tín ngưỡng và Văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb KHXH (2001), Hà Nội.
- 3) Đỗ Lai Thúy, *Từ cái nhìn văn hóa*, Nxb Văn hóa Dân tộc (1999), Hà Nội.
- 4) Nhiều tác giả, *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb VHDT (2000), Hà Nội.
- 5) X.A.Tokarep, *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb Chính trị quốc gia (1994), Hà Nội.
- 6) Đinh Gia Khánh, *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*, Nxb KHXH (1993), Hà Nội.
- 7) Nguyễn Minh San, *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb VHDT (1998), Hà Nội.
- 8) Theo Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Vĩnh Phúc (1986), *Địa chí Vĩnh Phúc - Văn hóa dân gian vùng đất Tổ*, Vĩnh Phúc.

SUMMARY: THE WORSHIP OF MR."DUNG" AND MADAME "DA" (AUTHOR: ANH VU)

Through site inspection the worship habit of Mr."Dung" and madame"Da" at the festivals in the down region of Red river, the author has deciphered the spiritual meaning of giant heroes in the legends, at the same time extracted some taboos (private secrete behaviors according to the rules of God) although it might be lewd and vulgar. Anyhow it expresses the religion of previous Viet farmers to worship the prosperity and reality.